

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2021/HS-ST
Ngày: 14-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Hoàng Văn Tiến**

2. Bà: **Nguyễn Thúy Hà**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà: **Hoàng Thị Hồng Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:* Ông **Phạm Duy Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 85/2021/TLST-HS, ngày 23 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2021/QĐXXST – HS ngày 01 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lường Văn T**; Tên gọi khác: Không; sinh năm 1991, tại thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKHKT: Bản M xã P, huyện T, tỉnh Sơn La; Chỗ ở: Bản M, xã P, huyện T, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 03/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Bố đẻ: Lường Văn A, sinh năm: 1952; Mẹ đẻ: Lường Thị T, Sinh năm: 1957; Gia đình bị cáo có 07 anh chị, em bị cáo là con thứ sáu trong gia đình. Vợ bị cáo là Quàng Thị P, sinh năm: 1999 và có 01 người con sinh năm 2017; Tiền án: không, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam, tạm giữ từ ngày 06/6/2021 cho đến ngày xét xử, bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lường Văn T: Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1955; Luật Sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung T trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. (Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Họ và tên: Đỗ Văn C, sinh năm: 1983. (Có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: TDP B, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng.

Nơi tạm trú: TDP A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Trần Thị O, sinh năm 1985 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Nơi cư trú: TDP Z, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

2. Anh Phạm Văn DO, sinh năm 1980 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Nơi cư trú: TDP Z, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

3. Công ty B.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hương D, chức vụ: Giám Đốc.

Địa chỉ: Số A, tổ Z, khu Q, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. (Vắng mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1980 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Nơi cư trú: TDP A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

2. Anh Trần Văn L, sinh năm 1987 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Nơi cư trú: TDP S, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì hành vi phạm tội của Lường Văn T được tóm tắt như sau:

Để có phương tiện đi về nhà tại bản M, xã P, huyện T, tỉnh Sơn La. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 06/6/2021 tại tổ dân phố A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên Lường Văn T trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER, BKS: 14Y1-048.81 màu Đen - Bạc trị giá 5.000.000 đồng của anh Đỗ Xuân C.

Quá trình điều tra đã làm rõ: Khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 06/6/2021 Lường Văn T đi vào chợ Trung T huyện M thuộc Tổ dân phố A, thị trấn M, phát hiện trên vỉa hè 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER, BKS: 14Y1-048.81 màu Đen – Bạc, trên ổ khóa có cắm chìa khóa; trị giá 5.000.000 đồng của anh Đỗ Văn C đang làm thợ xây tại thị trấn M mượn của gia đình chị Trần Thị O sinh năm: 1985 và anh Phạm Văn DO, sinh năm 1980 trú tổ dân phố Z, thị trấn M để sử dụng đi lại. T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe để sử dụng. T ngồi lên xe mô tô mở khóa đề nổ nhưng xe không nổ, T tiếp tục dùng chân đạp cần khởi động nổ máy điều khiển xe mô tô ra Quốc lộ 279 chạy theo hướng M – T. Khi T điều khiển xe đến khu vực bản H, xã A, huyện M thì xe chết máy, cùng lúc thì bị anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1980 trú Tổ dân phố A, thị trấn M và Trần Văn L, sinh năm: 1987 trú tổ dân phố S, thị trấn M phát hiện, truy đuổi đến nơi, bắt giữ đưa T và xe mô tô về Công an thị trấn M xử lý.

Ngày 08/6/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Ảng quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định khởi tố bị can đối với Lường Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 08/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã định giá 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER, BKS: 14Y1-048.81 màu Đen - Bạc, số máy 5B95-042746, số khung: RLCF 5B9509Y042750 tại thời điểm tháng 6/2021 có giá trị: 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 14/KL-HĐĐGTS ngày 08/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tại thời điểm tháng 6/2020 tổng giá trị vật chứng trong vụ án trộm cắp tài sản là 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn).

Tại đơn đề nghị của ông Đỗ Văn C – bị hại: Xin nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn DO, Trần Thị O trình bày anh Đỗ Văn C mượn chiếc 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER, BKS: 14Y1-048.81, đăng ký xe mang tên Công ty B do anh mua vào ngày 12/6/2015 khi anh làm công nhân tại Công ty. Đến năm 2017 anh nghỉ việc tại công ty và chuyển lên huyện Mường Ảng sống. Do anh không dùng đến xe cho anh Đỗ Văn C để làm phương tiện đi làm. Nay đề nghị cơ quan trả lại tài sản cho anh C để anh C trả lại chiếc xe cho gia đình tôi.

Tại Cáo trạng số: 61/CT-VKSMA ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Lương Văn T về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật đã áp dụng như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 07 tháng đến 09 tháng tù.

Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại anh C không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Về vật chứng áp dụng khoản 2 điều 47 BLHS; khoản 1, điểm b khoản 3 điều 106 BLTTHS trả lại cho anh Đỗ Văn C 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER R, BKS: 14Y1-048.81, đăng ký xe mang tên Công ty B.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

** Nội dung bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo nhất trí với nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.*

Về án phí: Bị cáo Lương Văn T là người đồng bào dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị

Định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí HSST cho bị cáo.

Bị cáo Lương Văn T nhất trí nội dung bản luận cứ của người bào chữa.

Bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của VKSND huyện Mường Ảng, bị cáo không có tranh luận gì. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Nội dung vụ án:* Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa bị cáo Lương Văn T đã khai và công nhận: Để có phương tiện đi về nhà tại bản M, xã P, huyện T, tỉnh Sơn La. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 06/6/2021 tại tổ dân phố A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên Lương Văn T trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER R, BKS: 14Y1-048.81 màu Đen - Bạc trị giá 5.000.000 đồng của anh Đỗ Xuân C.

Lời khai nhận tội của bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số 61/CT-VKS-MA ngày 23/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đã truy tố.

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER, BKS: 14Y1-048.81 trị giá trị giá 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng chẵn*) là chiếc xe anh Đỗ Văn C đang quản lý để làm phương tiện đi lại phục vụ bản thân. Mục đích lấy trộm để phục vụ cá nhân của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015. Tại Điều 173 của BLHS quy định: "1. *Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*".

Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo Lương Văn T về tội "trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Lương Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi mà bị cáo gây ra.

Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng truy tố bị cáo Lương Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, gây nguy hại

không lớn cho xã hội có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù. Vì vậy bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo T từ nhỏ sống cùng với gia đình, học hết lớp 3/12 thì nghỉ học, đến tuổi trưởng thành đi lao động sản xuất cùng gia đình; bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo là một thanh niên, có nhận thức pháp luật nhưng thiếu ý thức chấp hành pháp luật, không rèn luyện tu dưỡng đạo đức, lười lao động lại muốn có tiền một cách nhanh chóng mà không phải bỏ công sức lao động nên đã cố tình đi vào con đường phạm tội trộm cắp tài sản, thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Hành vi phạm tội bị cáo gây ra đã làm hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm cho bà con nhân dân trong vùng không yên T làm ăn, sinh sống, gây mất trật tự trị an và an toàn trên địa bàn dân cư. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra là cần thiết, để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung, tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu nói riêng trên địa bàn. Do vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lương Văn T với nghề nghiệp làm ruộng, không có thu nhập nào khác, gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung bằng tiền, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng.

[4]. Về đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo xét thấy phù hợp nên hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5]. Đối với phần bồi thường thiệt hại anh C là bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[6]. Về vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER, BKS: 14Y1-048.81 do anh Phạm Văn DO mua của Công ty B. Anh DO cho anh C mượn để sử dụng, do vậy việc chiếc xe này cần trả lại bị hại là anh Đỗ Văn C là phù hợp.

[7]. Về án phí: Bị cáo Lương Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nhưng bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[8]. Bị cáo, Bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9]. Trong quá trình điều tra, truy tố thấy rằng: Các hành vi, Quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của Cơ quan

tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lường Văn T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Lường Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06 tháng 6 năm 2021.

Không phạt hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo.

2. Vật chứng: Áp dụng khoản 2 điều 47 BLHS; Khoản 1, Điểm a khoản 3 điều 106 BLTTHS.

Trả cho anh Đỗ Văn C 01 chiếc 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER, BKS: 14Y1-048.81, đăng ký xe mang tên Công ty B.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lường Văn T.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 332 Điều 333 BLTTHS: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Công an huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- Bị cáo; Đương sự
- Người bào chữa
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Vân